TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2020/QĐST-DS	*Việt Trì, ngày 20 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 169/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; trú tại: Khu 4, xã T, thành phố V, tỉnh P.

Bị đơn:

1. Chị Bùi Thị X, sinh năm 1960; trú tại : Khu 3B, xã C, thành phố V, tỉnh P.

2. Anh Bùi Phú Huy, sinh năm 1964; trú tại: Khu 7, xã T, thành phố V, tỉnh P.

3. Chị Bùi Thị Lan, sinh năm 1969; trú tại: Khu 12, xã T, thành phố V, tỉnh P.

4. Chị Bùi Thị Phượng, sinh năm 1972; trú tại: Khu 8, xã T, thành phố V, tỉnh Pọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N; do ông Trần Tuấn L- Giám đốc phòng giao dịch Supe thuộc Ngân hàng N, chi nhánh huyện L là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2020).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự theo "Văn bản thỏa thuận xác nhận số tiền gửi tiết kiệm và phân chia di sản thừa kế của ông Bùi

Phú Hậu" ngày 10/02/2020. Cụ thể như sau:

* *Các đương sự đều thống nhất xác định:* Số tiền gửi tiết kiệm đứng tên ông Bùi Phú H tại Ngân hàng N- Chi nhánh huyện L, số sổ tiết kiệm AC 00011496703, có tổng là 53.363.500 đ (Năm mươi ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến hết ngày 20/02/2020 là 3.363.500đ (Ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng).

- Ngoài ra, bà T cùng 04 người con riêng của ông H cùng xác nhận ngoài số tiền gửi tiết kiệm trên thì ông H, bà T không có tài sản chung nào khác. Ngoài số tiền này bà T không có yêu cầu gì về chia di sản thừa kế của ông H.

* *Các đương sự thống nhất thỏa thuận:*

- Ngày 20/02/2020, Ngân hàng N- Chi nhánh huyện L bàn giao toàn bộ số tiền 53.363.500 đ (Năm mươi ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng) theo sổ tiết kiệm số AC 00011496703, đứng tên ông Bùi Phú H cho bà Nguyễn Thị T và 04 người con riêng của ông H là chị Bùi Thị X, anh Bùi Phú H, chị Bùi Thị L, chị Bùi Thị Pđể các bên tự phân chia (các bên thống nhất để bà Nguyễn Thị T là đại diện đứng ra nhận tiền tại Ngân hàng N, chi nhánh huyện L).

- Bà T và 04 người con riêng của ông H là chị Bùi Thị X, anh Bùi Phú H, chị Bùi Thị L, chị Bùi Thị P thống nhất chia số tiền như sau:

+ Bà T được sở hữu, sử dụng 1/2 số tiền là 26.681.750đ (Hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm năm mươi đồng);

+ 04 người con (chị Bùi Thị X, anh Bùi Phú H, chị Bùi Thị L, chị Bùi Thị P) đồng sở hữu, sử dụng 1/2 số tiền là 26.681.750đ (Hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

**Về án phí:* Các đương sự thống nhất thỏa thuận bà T và anh H tự nguyện nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau:

+ Bà T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Bùi Phú H phải chịu 1/2 án phí dân sự sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phùng Thị Thu Hường

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).